

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu  
Chương: 599

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 976/QĐ-CĐSP ngày 18/12/2024 của Hiệu trưởng trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu)  
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1     | 2                                              | 3                 | 4=5                | 5                             |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                   |                    |                               |
| I     | Số thu phí, lệ phí                             |                   |                    |                               |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |                    |                               |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước          |                   |                    |                               |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 49.654            | 49.654             | 49.654                        |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | 49.654            | 49.654             | 49.654                        |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |                    |                               |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |                    |                               |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |                    |                               |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |                   |                    |                               |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |                    |                               |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |                    |                               |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |                    |                               |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề    | 49.654            | 49.654             | 49.654                        |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 23.979            | 23.979             | 23.979                        |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 25.675            | 25.675             | 25.675                        |

Đơn vị: Trường CDSP Bà Rịa - Vũng Tàu  
Chương: 599

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 976/QĐ-CDSP ngày 18/12/2024 của Hiệu trưởng trường CDSP Bà Rịa - Vũng Tàu)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                              | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                             |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước          |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 49.654            |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | 49.654            |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |                   |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                | 49.654            |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 23.979            |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 25.675            |